TOÀ ÁN NHA DÂN **HUYỆN M** TỈNH HƯNG YÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 51/2018/HSST
Ngày 05/9/2018

NHA DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHA DÂN HUYỆN M – TỈNH HƯNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Trọng;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Khải và bà Lê Thị Tiến.
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh - Cán bộ Toà án.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà: Ông Bùi Kim Trung - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện M.

Ngày 05/9/2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện M mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 44/2018/HSST ngày 08/8/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2018/HSST - QĐ ngày 21/8/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh năm 1991; tại huyện Y, tỉnh Hưng Yên; Giới tính: N;
Nơi cư trú: Thôn D, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên;
Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: V N; Tôn giáo: Không;
Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Không;
Con ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1966 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972;
Vợ, con: Chưa có;
Tiền án:
+ Ngày 17/01/2012, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản;
+ Ngày 15/03/2012, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; Tổng hợp với bản án số 03/2012/ HSST ngày 17/01/2012 của Tòa án nhân dân huyện M, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 02 năm 06 tháng tù;
+ Ngày 16/03/2016, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;
Tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/4/2018; Có mặt.

Bị hại: Anh Lê Văn P, sinh năm 1985; trú tại: Xóm 11, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:
1. Anh Lê Văn Ph, sinh năm 1983 và chị Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1981; đều trú tại: Xóm 11, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Có mặt;
2. Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1995; trú tại: Đội 8, Ngô Xuyên, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

3. Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1990; trú tại: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên;

4. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1979; trú tại: Thôn Y, xã G, huyện Y, tỉnh Hưng Yên;

5. Ông Nguyễn Duy A, sinh năm 1950; trú tại: Thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên;

6. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên;

7. Anh Đào Văn Tr, sinh năm 1992; trú tại: Thôn C, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên;

8. Anh Ngô Văn S, sinh năm 1976; trú tại: Thôn T, xã Nghĩa H, huyện Y, tỉnh Hưng Yên;

9. Anh Ngô Tuấn H, sinh năm 1987; trú tại: Thôn C, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên;

10. Anh Trần Ngọc Ha, sinh năm 1983; trú tại: Thôn H, xã H, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N lả người làm thuê cho gia đình anh Lê Văn Ph kinh doanh Gas tại xóm 11, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Khoảng 10 giờ ngày 13/4/2018 anh Ph đưa cho anh Lê Văn P (tên gọi khác Lê Văn Cảnh) ở cùng thôn (là em trai anh Ph) số tiền 30.000.000 đồng để anh P đến Công ty Gas Trần Hồng Q có trụ sở tại thôn P, xã D, huyện M, tỉnh Hưng Yên trả vỏ bình gas đồng thời nhập gas về bán, cùng đi với anh P có Nguyễn Văn N đi phụ giúp. Sau khi nhận số tiền trên, anh P cất vào trong cốp ở giữa cabin xe ô tô biển số đăng ký 89C-140.02 rồi điều khiển xe ô tô nói trên cùng N đến công ty Gas Trần Hồng Q. Trên đường đi anh P lấy 500.000đồng để đổ dầu cho xe ô tô, còn lại số tiền 29.500.000 đồng anh P vẫn để trong cốp xe. Tại công ty Gas Trần Hồng Q, sau khi trả vỏ bình gas và xếp xong những bình gas mới lên thùng xe, anh P đi vào Phòng xuất nhập gas lấy phiếu xuất kho để làm thủ tục thanh toán tiền còn N lên cabin xe ngồi ở vị trí ghế phụ. Lúc này N đã nảy sinh ý định trộm cắp số tiền nói trên của anh P để trong cốp, trên cabin xe để tiêu xài nên N đã mở cốp xe, dùng tay trái lấy số trên trên giắt vào cạp quần phía trước, sau đó xuống xe, đi tắt qua khu vực để vỏ bình gas và trèo tường ra khỏi công ty Gas Trần Hồng Q mang số tiền vừa trộm cắp được của anh P đi tiêu xài.

Cùng ngày anh Lê Văn P có đơn trình báo đến Cơ quan CSĐT Công an huyện M về việc ngày 13/4/2018, tại Công ty Gas Trần Hồng Q thuộc thôn P, xã D, huyện M, tỉnh Hưng Yên, anh bị kẻ gian lấy trộm số tiền 29.500.000đồng.

Ngày 14/4/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Y tiến hành xác minh, điều tra vụ cướp tài sản xảy ra ngày 13/4/2018 trên địa bàn huyện Y trong đó N là bị hại. Quá trình xác minh nguồn gốc những tài sản quản lý của N, N đã khai ra hành vi trộm cắp số tiền 29.500.000đồng của anh P tại Công ty Gas Trần Hồng Q ngày 13/4/2018, nên đã có Công văn trao đổi và bàn giao 01 điện thoại nhãn hiệu samsung j7 pro, vỏ màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu

đỏ; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu HaLei màu vàng; 01 xe mô tô nhãn hiệu World, biển số đăng ký 33K6 – 6439, S màu nA, dán tem Dream và số tiền 12.500.000đồng là những vật chứng L quan cho Cơ quan CSĐT Công an huyện M để giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan CSĐT Công an huyện M triệu tập N. Quá trình làm việc N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Đồng thời N giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện M 01 đôi giày màu đen, trên lót giầy có dòng chữ Lacoste và hình con cá xấu; 01 áo sơ mi dài tay, trên áo có in họa tiết hoa văn; 01 quần bò màu xanh; 01 quần lót N màu đen, trên cạp quần có in dòng chữ Calvin Klein. N trình bầy đã sử dụng tiền trộm cắp được của anh P mua những tài sản nói trên.

Tiến hành cho N thực nghiệm điều tra, N đã thực hiện lại được toàn bộ quá trình N trộm cắp số tiền 29.500.000đồng của anh P như N đã khai.

Quá trình điều tra xác định: Sau khi lấy trộm tiền của anh P, N đã mua một bộ quần áo, 01 quần lót, 01 đôi giầy; 01 giây lưng tại cửa hàng quần áo Phan Botique có địa chỉ số nhà 16, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên hết 1.880.000đồng; Mua 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu HaLei màu vàng và chuộc xe mô tô nhãn hiệu World, biển số đăng ký 33K6 – 6439, S màu nâu, dán tem Dream (N cầm cố tại đây từ trước) tại cửa hàng Minh Anh có địa chỉ tại thôn Y, xã G, huyện Y, tỉnh Hưng Yên hết 5.300.000đồng, đồng thời sửa chiếc xe mô tô nói trên hết 350.000đồng; Mua 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu samsung j7 pro, vỏ màu vàng tại cửa hàng Thế giới di động có địa chỉ tại thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên với giá 6.190.000đồng; Trả tiền nhà nghỉ Huy Hoàng 2 hết 70.000 đồng; Trả tiền nhà nghỉ Hương Giang hết 100.000 đồng; Trả tiền nhà nghỉ Hoa Mai hết 100.000 đồng. Tại phòng trọ của H ở thôn Y, xã G, huyện Y, tỉnh Hưng Yên N sử dụng ma túy cùng của Ngô Tuấn H, sau đó mua 01 gói ma túy đá của H hết 300.000đồng và đưa cho Nguyễn Văn H, sinh năm 1992, trú tại: Thôn Y, xã N, huyện M, tỉnh Hưng Yên 455.000đồng đi mua ma túy, sau đó mang về phòng trọ của H ở thôn H, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Tại đây N, Hiếu cùng với Ngô Văn S, Đào Văn Tr và bạn gái của H (các đối tượng khai tên là T) cùng nhau sử dụng hết gói ma túy nói trên. Ngoài ra N còn dùng số tiền trộm cắp được vào việc trả tiền đi taxi và tiêu xài cá nhân khác còn lại 12.500.000đồng N đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Y.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu World, biển số đăng ký 33K6 - 6439, S màu nâu, dán tem Dream. Quá trình điều tra xác định không phải là vật chứng và là tài sản hợp pháp của anh Ngô Văn S. Anh S cho anh Đào Văn Tr mượn để cầm cố, sau đó anh Tr nhờ N mang chiếc xe nói trên cầm cố cho anh Ha. Nay anh S yêu cầu nhận lại chiếc xe trên.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu đen là tài sản của N không L quan đến việc phạm tội. Còn lại 01 điện thoại nhãn hiệu samsung j7 pro, vỏ màu vàng; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu HaLei màu vàng; 01 đôi giày màu đen, trên lót giầy có dòng chữ Lacoste và hình con cá xấu; 01 áo sơ mi dài tay, trên áo có in họa tiết hoa văn; 01 quần bò màu xanh; 01 quần lót N màu đen, trên cạp quần có in dòng chữ Calvin Klein là những tài sản do N dùng số tiền trộm cắp được của anh P để mua.

Đối với số tiền 12.500.000đồng, Cơ quan CSĐT Công an huyện Y quan lý của N sau đó bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện M. Quá trình điều tra xác định là một phần tiền do N trộm cắp của anh P. Nay anh P có yêu cầu được nhận lại và không yêu cầu N phải bồi thường cho anh số tiền 17.000.000đồng.

Đối với chiếc dây lưng N mua tại cửa hàng Phan Botique ở thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên, quá trình sử dụng N đã để thất lạc nên Cơ quan CSĐT Công an huyện M không thu giữ được.

Đối với chị Nguyễn Thị Ngọc L là nhân viên cửa hàng quần áo Phan Botique; anh Trần Ngọc Ha là chủ cửa hàng Minh Anh; chị Nguyễn Thị Kiều T là nhân viên bán hàng tại cửa hàng Thế gới di động; chị Nguyễn Thị N là chủ nhà nghỉ Huy Hoàng 2; ông Nguyễn Duy A là chủ nhà nghỉ Hương Giang; bà Nguyễn Thị L là chủ nhà nghỉ Hoa Mai và anh Nguyễn Văn Hđều không biết tiền N thanh toán khi mua quần áo, giày, dây lưng, đồng hồ, chuộc xe, mua điện thoại, trả tiền nhà nghỉ và mua ma túy là tiền do N trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với hành vi bán ma túy cho N của H và hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của H, N, Hiếu, Tr, S, Thủy xảy ra trên địa bàn huyện Y, Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã thông báo cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Y để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản Cáo trạng số 44/CT - VKSMH ngày 08/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS.

Tại phiên toà:

+ Bị cáo Nguyễn Văn N thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo;

+ Bị hại yêu cầu nhận lại các tài sản do N mua bằng tiền chiếm đoạt của anh gồm quần áo, điện thoại, giày, đồng hồ; nhất trí xác định giá trị những tài sản này theo giá N đã mua; đối với số tiền còn thiếu sau khi đối trừ giá trị của những tài sản đã nhận thì yêu cầu N có trách nhiệm bồi thường, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là anh Lê Văn Ph và chị Nguyễn Thị Minh N xác định việc bị cáo N chiếm đoạt tiền của anh P không làm ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh gas của anh chị, anh chị cũng không yêu cầu anh P phải bồi hoàn số tiền bị mất, đồng thời anh chị cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 BLHS; điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; các Điều 584, 585, 586, 589, Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 03 năm - 03 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 14/4/2018;

Vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Trả lại cho anh Lê Văn P, sinh năm 1985; trú tại xóm 11, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên số tiền 12.500.000 (mười hai triệu lăm trăm nghìn) đồng hiện đang có trong tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, 01 đôi giày màu đen trên lót giày có dòng chữ Lacoste, 01 chiếc áo sơ mi dài tay có in hoạ tiết hoa văn, 01 chiếc quần bò màu xanh, 01 chiếc quần lót N màu đen trên cạp quần có in dòng chữ Calvin Klein, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamsungJ7pro, 01 chiếc đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Halei màu vàng;

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 vỏ màu đen;

- Trả lại anh Ngô Văn S, sinh năm 1976; trú tại thôn Thanh Xá, xã Nghĩa H, huyện Y, tỉnh Hưng Yên 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu World BKS 33K6 - 6439 S màu nA, dán tem Dream và 01 Giấy đăng ký mô tô mang tên Nguyễn Bá D đang quản lý tại hồ sơ vụ án;

Trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo và bị hại về việc bị cáo Nguyễn Văn N có trách nhiệm bồi thường cho anh Lê Văn P; sinh năm 1985; trú tại xóm 11, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên số tiền 8.630.000 đồng;

Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp khách quan với lời khai của người bị hại là anh Lê Văn P, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là vợ chồng anh Lê Văn Ph và chị Nguyễn Thị Minh N, các Biên bản và bản ảnh chỉ dẫn, Biên bản thực nghiệm điều tra, Biên bản khám nghiệm và sơ đồ hiện Tr, vật chứng là số tiền 12.500.000 đồng và các tài sản khác được Cơ quan điều tra quản lý có nguồn gốc do bị cáo mua bằng tiền chiếm đoạt của người bị hại, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định: Khoảng 10 giờ ngày 13/4/2018, anh Lê Văn P được anh trai là anh Lê Văn Ph giao xe ô tô BKS 89C - 140.02 cùng số tiền 30.000.000 đồng để anh Ph đến Công ty Gas Trần Hồng Q có trụ sở tại thôn P, xã D, huyện M, tỉnh Hưng Yên trả vỏ bình và nhập gas về bán, cùng đi có Nguyễn Văn N phụ giúp; anh Ph nhận tiền và để trong cốp ở giữa cabin xe. Trên đường đi, anh P lấy 500.000 đồng trong số tiền trên để đổ dầu xe. Tại Công ty Gas Trần Hồng Q, sau khi trả vỏ bình và xếp các bình gas mới lên thùng xe, anh P đi vào Phòng xuất nhập gas để lấy hoá đơn và làm thủ tục thanh toán tiền, còn N lên cabin xe ngồi vào ghế phụ, N đã lấy số tiền 29.500.000 đồng trong cốp xe, rồi xuống xe và trèo tường ra khỏi Công ty, mang số tiền này đi mua sắm một số đồ dùng cá nhân; sau đó hành vi của N bị phát hiện.

Hành vi của Nguyễn Văn N lợi dụng lúc anh Lê Văn P không có mặt trong cabin, lén lút chiếm đoạt số tiền 29.500.000 đồng của anh P để trong cốp xe ô tô đã thoả mãn đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội Trộm cắp tài ản. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2016/HSST ngày 16/3/2016 của TAND huyện M, tỉnh Hưng Yên xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 02 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã xác định bị cáo phạm tội thuộc Tr hợp tái phạm, bản án này chưa được xoá, nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội do cố ý, nên hành vi phạm tội Trộm cắp tài sản lần này của N

thuộc Tr hợp tái phạm nguy hiểm. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội Trộm cắp tài sản với tình tiết tăng nặng định khung "Tái phạm nguy hiểm" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, bị cáo đang làm việc cho cửa hàng gas của vợ chồng chị Nguyễn Thị Minh N là dì ruột của bị cáo, N biết rõ số tiền 29.500.000 đồng có nguồn gốc là của vợ chồng chị N đưa cho anh P để nhập gas về bán, nhưng vẫn cố ý chiếm đoạt để tiêu sài cá nHa, bị gia đình và dư luận lên án mạnh mẽ. Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản, nhưng không lấy đó làm bài học để rèn luyện, sửa chữa lỗi lầm mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội cùng loại. Cho nên, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lao động có ích cho gia đình và xã hội, đáp ứng yêu cầu đấu tranh tội phạm tại địa phương.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét trong quá trình làm việc với Cơ quan điều tra huyện Y về hành vi cướp tài sản mà N là bị hại thì bị cáo đã khai nhận, đầu thú về hành vi trộm cắp tiền của anh P; tại phiên toà cũng như tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã khai báo thành khẩn, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; tại phiên toà cả người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là vợ chồng chị N đều khẳng định hành vi chiếm đoạt tiền của N không làm ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh gas cũng như không gây thiệt hại vật chất khác cho họ, đồng thời đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Vật chứng và biện pháp tư pháp: Số tiền 12.500.000 đồng là tài sản bị cáo chiếm đoạt của anh Lê Văn P, nên trả lại cho bị hại số tiền này;

Các tài sản gồm giày, áo sơ mi, quần bò, quần lót, điện thoại di động nhãn hiệu SamsungJ7pro, đồng hồ đeo tay được bị cáo mua bằng tiền chiếm đoạt của anh P, do người bán đều không yêu cầu giải quyết, nhưng bị hại có yêu cầu nhận lại, nên trả cho anh Lê Văn P các tài sản này;

Chiếc xe mô tô BKS 33K6 - 6439 là tài sản của anh Ngô Văn S, anh S cho anh Đào Văn Tr mượn để cầm cố, anh Tr nhờ bị cáo N mang chiếc xe này cầm cố cho anh Ha, sau đó bị cáo N đã chuộc chiếc xe từ anh Ha với số tiền 5.000.000 đồng là tiền do bị cáo chiếm đoạt của P. Anh S yêu cầu nhận lại xe, nên trả lại cho anh S; giao dịch giữa bị cáo với anh Ha và anh Tr do các bên tự giải quyết, nếu không thương lượng được thì có quyền khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự;

Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia105 là tài sản hợp pháp của bị cáo, không được bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, nhưng bị cáo không yêu cầu nhận lại nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[5] Trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Lê Văn P, sau khi nhận lại 12.500.000 đồng cùng các tài sản do bị cáo N mua bằng tài sản do phạm tội mà có với giá trị 8.370.000 đồng, còn yêu cầu bị cáo có trách nhiệm bồi thường số tiền bị chiếm

đoạt còn thiếu là 8.630.000 đồng là có căn cứ; tại phiên toà bị cáo chấp nhận bồi thường số tiền này, sự thoả thuận này là hợp pháp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản;

2. Căn cứ: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 BLHS; điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; các Điều 584, 585, 586, 589, Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

3. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 14/4/2018;

4. Vật chứng và biện pháp tư pháp:

+ Trả lại cho anh Lê Văn P, sinh năm 1985; trú tại xóm 11, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên số tiền 12.500.000 (mười hai triệu lăm trăm nghìn) đồng hiện đang có trong tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, 01 đôi giày màu đen trên lót giày có dòng chữ Lacoste, 01 chiếc áo sơ mi dài tay có in hoạ tiết hoa văn, 01 chiếc quần bò màu xanh, 01 chiếc quần lót N màu đen trên cạp quần có in dòng chữ Calvin Klein, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamsungJ7pro, 01 chiếc đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Halei màu vàng;

+ Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 vỏ màu đen;

+ Trả lại anh Ngô Văn S, sinh năm 1976; trú tại thôn T xã Nghĩa H, huyện Y, tỉnh Hưng Yên 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu World BKS 33K6 - 6439 S màu nA, dán tem Dream và 01 Giấy đăng ký mô tô mang tên Nguyễn Bá D đang quản lý tại hồ sơ vụ án;

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số 36/QĐ - VKSMH ngày 08/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M);

5. Trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo và bị hại về việc bị cáo Nguyễn Văn N có trách nhiệm bồi thường cho anh Lê Văn P; sinh năm 1985; trú tại xóm 11, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên số tiền 8.630.000 (tám triệu sáu trăm ba mươi nghìn) đồng;

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án;

Trong Tr hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

6. Án phí:

Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 431.500 (bốn trăm ba mươi mốt nghìn lăm trăm) đồng;

7. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, đã báo cho bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hưng Yên;*
- *VKSND huyện M;*
- *THA hình sự huyện M;*
- *THA dân sự huyện M;*
- *Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;*
- *Lưu VP; HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Tuấn Trọng